

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

V/v tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 9141/BNN-TCTL ngày 06/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (có bản sao chụp kèm theo); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện việc kiểm tra, rà soát, xử lý các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và các nội dung có liên quan theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản nêu trên; đồng thời tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề xuất giải pháp trình UBND tỉnh trước ngày 25/12/2019 để báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT đúng thời gian quy định.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục 1:
THỐNG KÊ CÁC VỤ VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Công văn số /BNN-TCTL ngày /12/2019 của Bộ Nông nghiệp &PTNT)

TT	Tên công trình	Tổng số vụ vi phạm		Hình thức vi phạm																Hình thức xử phạt	Ghi chú		
				Gây cản trở dòng chảy của CTTL		Đổ rác thải, chất thải vào CTTL		Xả nước thải vào CTTL		Bảo vệ an toàn CTTL		Vận hành CTTL		Vận hành hồ chứa TL		Sử dụng máy móc, thiết bị thuộc CTTL		Đ.khiển p.tiện giao thông đi trên CTTL				Giấy phép cho các hđộng trong PVBV CTTL	
		Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL	Tổng	Đã XL			Tổng	Đã XL
	Tổng cộng:																						
I	Công trình liên tỉnh																						
1	Công trình																						
2	Công trình																						
3	Công trình																						
4																							
5																							
	Cộng I:																						
II	Công trình trong tỉnh																						
1	Công trình																						
2	Công trình																						
3	Công trình																						
4																							
5																							
	Cộng II:																						

Ghi chú: Các vi phạm khác cần nêu cụ thể để xác định không nằm trong các hình thức vi phạm theo qui định tại Nghị định 104/2017/NĐ-CP; NĐ 65/2019/NĐ-CP

Phụ lục 2:
THỐNG KÊ CÁC ĐIỂM XẢ THẢI (CHƯA ĐƯỢC CẤP PHÉP) VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Công văn số /BNN-TCTL ngày /12/2019 của Bộ Nông nghiệp &PTNT)

TT	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ	Vị trí điểm xả	Loại nước thải	Lưu lượng xả (m ³ /ngày đêm)	Chế độ xả	Thuộc diện phải cấp phép (có/không)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Công trình TL ... (Theo PL II, Thông tư 05/TT-BNNPTNT)						
1							
2							
3							
II.	Công trình thủy lợi						
1							
2							
3							

Ghi chú:

- Cột (2)(3) Tên , địa chỉ tổ chức/cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi
- Cột (4) Vị trí xả nước thải vào kênh ..., thôn..., xã..., huyện ...,
- Cột (5) Ngành, nghề sản xuất kinh doanh phát sinh nước thải
- Cột (6) Lưu lượng xả, nếu không có số liệu đo thì ước lượng
- Cột (7) Chế độ xả liên tục hay không liên tục
- Cột (8) theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi

Phụ lục 3.1:
TỔNG HỢP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÃ CẤP
(Kèm theo Công văn số /BNN-TCTL ngày /12/2019 của Bộ Nông nghiệp &PTNT)

TT	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ	Vị trí điểm xả	Số hiệu GP/QĐ	Thời hạn sử dụng (từ ngày ... đến ngày ...)	Loại nước thải	Cấp theo cột A/B của TCVN/QCVN ...	Lưu lượng xả (m3/ngày đ)	Chế độ xả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I.	Công trình TL ... (Theo PL II, Thông tư 05/TT-BNNPTNT)									
1										
2										
3										
II.	Công trình thủy lợi									
1										
2										
3										

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Vị trí xả nước thải vào kênh ..., thôn..., xã..., huyện ...,
- Cột (5) số hiệu giấy phép/Quyết định
- Cột (6) từ ngày/tháng/năm đến ngày tháng/tháng/năm
- Cột (7) Loại nước thải công nghiệp, y tế, sinh hoạt ...
- Cột (8) Loại Tiêu chuẩn, Quy chuẩn (TCVN/QCVN Cột A hay B ...)
- Cột (9) Lưu lượng xả theo giấy phép
- Cột (10) Chế độ xả liên tục hay không liên tục

Phụ lục 3.2:

GIẤY PHÉP ĐÃ CẤP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Công văn số /BNN-TCTL ngày /12/2019 của Bộ Nông nghiệp &PTNT)

TT	Tên tổ chức/cá nhân xã nước thải	Địa chỉ	Tên hoạt động	Vị trí	Số hiệu GP/QĐ	Thời hạn sử dụng (từ ngày ... đến ngày ...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Công trình TL ... (Theo PL II, Thông tư 05/TT-BNNPTNT)						
1							
2							
3							
II.	Công trình thủy lợi						
1							
2							
3							

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Hoạt động cấp phép theo quy định tại Điều 13 nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
- Cột (5) Vị trí ... trên kênh ..., thôn..., xã..., huyện ...,
- Cột (6) số hiệu giấy phép/Quyết định
- Cột (7) từ ngày/tháng/năm đến ngày tháng/tháng/năm

Phụ lục 4:
KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Kèm theo Công văn số /BNN-TCTL ngày /12/2019 của Bộ Nông nghiệp &PTNT)

TT	Tên tổ chức/cá nhân bị xử phạt VPHC	Địa chỉ	Số hiệu Quyết định xử phạt VPHC	Xử phạt chính		Xử phạt bổ sung		Ghi chú
				Phạt cảnh cáo	Số tiền phạt (đồng)	Tịch thu tang vật, phương tiện	Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								

Ghi chú:

- Cột (2) (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh
- Cột (4) Số hiệu quyết định xử phạt VPHC; ngày/tháng/năm ban hành QĐ
- Cột (5) Nếu là phạt cảnh cáo đánh dấu (X)
- Cột (6) Số tiền phạt theo quyết định xử phạt VPHC đã ban hành
- Cột (7) Ghi rõ số lượng, tên tang vật, phương tiện bị tịch thu
- Cột (8) Số hiệu giấy phép bị tước quyền sử dụng; thời hạn tước quyền (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
- Cột (9) Mô tả hành vi vi phạm theo quy định tại ND 104/2017/ND-CP và ND 65/2019/ND-CP